

Số: **510** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **26** tháng **8** năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ: (theo danh sách đính kèm 45 hồ sơ, Biên nhận số 322, 323, 325, 327-371/25) 1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 15/7/2025.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: (theo danh sách đính kèm 45 hồ sơ) 2.1. Tên: 2.2. Địa chỉ:..... 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... .. 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất: 3.1.1. Thửa đất số: 266; Tờ bản đồ số: 19; 3.1.2. Địa chỉ tại: Dự án Khu nhà ở cao tầng Tân Kiểng, 35/12 Bế Văn Cẩm, phường Tân Kiểng, Quận 7 (nay là phường Tân Hưng) Thành phố Hồ Chí Minh; 3.1.3. Giá đất: 56.700.000 đồng/m ² (đường Bế Văn Cẩm/trộn đường; Vị trí 1). - Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m ² . - Giá đất cụ thể:.....m ² . - Giá trúng đấu giá:.....m ² . - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:..... 3.1.4 Diện tích thửa đất: 3.707,0 m ² - Diện tích sử dụng chung: 3.707,0 m ² - Diện tích sử dụng riêng:m ² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m ² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m ² - Diện tích đất trong hạn mức:.....m ² - Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m ² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:..... 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT67829 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: (theo danh sách đính kèm 45 hồ sơ) 3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình: -/- ; 3.2.2. Diện tích sử dụng: m²; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²; 3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung; 3.2.5. Số tầng: 24 tầng + 01 hầm + sân thượng + mái che thang; 3.2.6. Nguồn gốc: -/- 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2017; 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm. Kết cấu: Tường gạch, cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH - Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm: - Đơn Đăng ký; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT67829 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; - Hợp đồng mua bán, các phụ lục hợp đồng và các văn bản chuyển nhượng (nếu có) giữa chủ đầu tư và người mua. - Bản vẽ sơ đồ căn hộ. <i>Ghi chú: Công ty Cổ phần Đầu tư Truth Home và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.</i>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở NN&MT (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CPĐT Truth Home;
- Người mua nhà theo danh sách;
- Lưu: VT, ĐK.Đ.

BN:322/25(45hs)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thân Thế Hùng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH 45 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TẠI SỐ 35/12 BẾN CÀM, PHƯỜNG TÂN HƯNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH DO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TRUTH HOME LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
Đính kèm Phiếu chuyển số:540.../PC-VPĐK-ĐK ngày 26 / 8 / 2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

STT	Số biên nhận	Họ tên chủ sở hữu	Địa chỉ căn hộ theo hợp đồng mua bán	Địa chỉ căn hộ cấp theo quyết định cấp Số nhà	Tháp	Tầng/Hầm	Tầng	DT thông thủy (làm tròn 1 số thấp phân)	DT sàn (tính tường) (làm tròn 1 số thấp phần)	Loại hình tài sản	Hình thức sở hữu
1	792747512025000322	Ông: NGUYỄN HUỖNH KHOA Năm sinh: 1983; CCCD số: 079083015836	Căn TMDV-VP T2- 03a.01	Căn TMDV-VP T2- 03a.01	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	28.9	33	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
2	792747512025000323	Ông: ĐỖ VĂN HẠT Năm sinh: 1976; CCCD số: 030076008588 Bà: NGUYỄN THỊ MY Năm sinh: 1978; CCCD số: 030178007675	Căn TMDV-VP T2- 03.01	Căn TMDV-VP T2- 03.01	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	29.6	33.2	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung
3	792747512025000325	Ông: HỒ THANH TÀI Năm sinh: 1984; CCCD số: 030084003861 Bà: NGUYỄN THỊ HIỀN Năm sinh: 1989; Căn cước số: 075189005792	Căn TMDV-VP T2- 03.02	Căn TMDV-VP T2- 03.02	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	30	33.2	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung
4	792747512025000327	Ông: LÊ TẤN BẢO THÔNG Năm sinh: 1989; Căn cước số: 079089018365 Bà: HUỖNH TUYẾT MI Năm sinh: 1990; CCCD số: 079190016878	Căn TMDV-VP T2- 03.05	Căn TMDV-VP T2- 03.05	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	50.5	56.2	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung
5	792747512025000328	Ông: DIỆP LÊ MINH Năm sinh: 1996; CCCD số: 079096029424	Căn TMDV-VP T2- 03.06	Căn TMDV-VP T2- 03.06	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	38.3	41.8	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
6	792747512025000329	Ông: NGUYỄN HỮU TRỌNG Năm sinh: 1956; CCCD số: 001056008466 Bà: ĐỖ THỊ XUÂN Năm sinh: 1956; CCCD số: 001156010350	Căn TMDV-VP T2.03.07	Căn TMDV-VP T2.03.07	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	38.5	41.8	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung
7	792747512025000330	Ông: NGUYỄN LÊ DŨNG Năm sinh: 1955; CCCD số: 082055000050 Bà: LÝ THỊ THU Năm sinh: 1956; CCCD số: 082156000047	Căn TMDV-VP T2- 03.08	Căn TMDV-VP T2- 03.08	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	30	32.8	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung
8	792747512025000331	Ông: LIU, YAO-CHEN Năm sinh: 1984; Quốc tịch: Trung Quốc Hộ chiếu số: 364139813; Ngày cấp: 09/11/2023; Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Bà: LÂM NGỌC PHÂN Năm sinh: 1990; CCCD số: 075190021534	Căn TMDV-VP T2- 03.09	Căn TMDV-VP T2- 03.09	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	34.1	37.4	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung

9	792747512025000332	Bà: PHAN THANH VY Năm sinh: 1993; CCCD số: 079193033480	Căn TMDV-VP T2- 03.10	Căn TMDV-VP T2- 03.10	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	28.8	31.8	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
10	792747512025000333	Bà: HUỖNH THỊ XUÂN MAI Năm sinh: 1972; CCCD số: 083172000180	Căn TMDV-VP T2- 03.13	Căn TMDV-VP T2- 03.13	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	33.3	36.5	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
11	792747512025000334	Ông: NGUYỄN PHUỘC TÂN Năm sinh: 1987; CCCD số: 087087001497 Bà: TRƯƠNG KIM PHỤNG Năm sinh: 1992; CCCD số: 079192015669	Căn TMDV-VP T2- 03.14	Căn TMDV-VP T2- 03.14	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	35.5	38.6	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
12	792747512025000335	Bà: TRẦN LAN HƯƠNG Năm sinh: 1969; CCCD số: 001169005008	Căn TMDV-VP T2- 03.15	Căn TMDV-VP T2- 03.15	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	34.9	38.4	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
13	792747512025000336	Ông: VŨ VĂN BÓN Năm sinh: 1991; CCCD số: 036091015055	Căn TMDV-VP T2- 03.16	Căn TMDV-VP T2- 03.16	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	35.2	38.6	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
14	792747512025000337	Bà: VÕ THỊ BÍCH TRẦN Năm sinh: 1972; CCCD số: 046172003231	Căn TMDV-VP T2- 03.17	Căn TMDV-VP T2- 03.17	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	40.9	45	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
15	792747512025000338	Ông: NGUYỄN VĂN ĐÔNG Năm sinh: 1969; CCCD số: 040069026816 Bà: NGUYỄN THỊ TỎ LĨNH Năm sinh: 1975; CCCD số: 001175044476	Căn TMDV-VP T2- 03.22	Căn TMDV-VP T2- 03.22	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	39	42.1	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
16	792747512025000339	Ông: LÊ DUY ANH Năm sinh: 1993; CCCD số: 079093009580	Căn TMDV-VP T2- 03.24	Căn TMDV-VP T2- 03.24	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	38.7	42.1	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
17	792747512025000340	Ông: TRẦN MINH THÔNG Năm sinh: 1989; CCCD số: 082089004521	Căn TMDV-VP T2- 03.26	Căn TMDV-VP T2- 03.26	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	47.8	52.7	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
18	792747512025000341	Bà: TÔ THỊ THÙY LINH Năm sinh: 1990; CCCD số: 040190000747	Căn TMDV-VP T2- 03.27	Căn TMDV-VP T2- 03.27	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	52.6	57.5	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
19	792747512025000342	Ông: NGUYỄN VIỆT LÂM Năm sinh: 1990; CCCD số: 046090000223 Bà: NGUYỄN THỊ THANH Năm sinh: 1996; CCCD số: 077196008576	Căn TMDV-VP T2- 03.29	Căn TMDV-VP T2- 03.29	Tháp T2	3/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	3	41	44.4	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
20	792747512025000343	Bà: PHẠM NGUYỄN THANH TRÚC Năm sinh: 1987; CCCD số: 079187029897	Căn TMDV-VP T2- 05.01	Căn TMDV-VP T2- 05.01	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	29.6	33.2	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng

21	792747512025000344	Bà: LÊ THỊ BÉ TRỌNG Năm sinh: 1991; CCCD số: 083191004582	Căn TMDV-VP T2- 05.02	Căn TMDV-VP T2- 05.02	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	30	33.2	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
22	792747512025000345	Ông: TRẦN NGUYỄN ĐĂNG TUẤN Năm sinh: 1984; CCCD số: 075084011217	Căn TMDV-VP T2- 05.04	Căn TMDV-VP T2- 05.04	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	29.6	33.2	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
23	792747512025000346	Ông: PHẠM VĂN TƯỜNG Năm sinh: 1948; CCCD số: 049048000078 Bà: HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO Năm sinh: 1976; CCCD số: 079176003250	Căn TMDV-VP T2- 05.05	Căn TMDV-VP T2- 05.05	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	49.2	54.3	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
24	792747512025000347	Bà: TRẦN THỊ HỒNG ĐÀO Năm sinh: 1976; CCCD số: 082176000268	Căn TMDV-VP T2- 05.06	Căn TMDV-VP T2- 05.06	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	38.9	42.1	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
25	792747512025000348	Bà: NGUYỄN THỊ DIỆU TUYẾT Năm sinh: 1977; CCCD số: 048177000042	Căn TMDV-VP T2- 05.07	Căn TMDV-VP T2- 05.07	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	37	40.3	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
26	792747512025000349	Ông: LÊ HỮU KỲ SƠN Năm sinh: 1985; CCCD số: 048085004733 Bà: BÙI LÊ PHƯƠNG Năm sinh: 1985; CCCD số: 079185039421	Căn TMDV-VP T2- 05.08	Căn TMDV-VP T2- 05.08	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	37.1	40.4	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
27	792747512025000350	Ông: HOÀNG HỒNG HIẾU Năm sinh: 1990; CCCD số: 079090036188	Căn TMDV-VP T2- 05.09	Căn TMDV-VP T2- 05.09	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	34.2	37.3	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
28	792747512025000351	Ông: PHẠM TRẦN HƯNG Năm sinh: 1993; CCCD số: 079093000834 Bà: NGUYỄN THÁI HÁNG Năm sinh: 1991; CCCD số: 095191001111	Căn TMDV-VP T2- 05.11	Căn TMDV-VP T2- 05.11	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	32.2	35.2	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
29	792747512025000352	Bà: NGUYỄN THỊ LAN ANH Năm sinh: 1982; CCCD số: 079182014927	Căn TMDV-VP T2- 05.12	Căn TMDV-VP T2- 05.12	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	35.2	32.1	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
30	792747512025000353	Ông: PHAN SƠN KHÔI Năm sinh: 1984; CCCD số: 079084003095 Bà: TÓNG THỊ KIM NGÂN Năm sinh: 1987; CCCD số: 079187000212	Căn TMDV-VP T2- 05.14	Căn TMDV-VP T2- 05.14	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	34.2	37.5	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
31	792747512025000354	Ông: LÊ HỮU CHÍ Năm sinh: 1988; CC số: 056088012972 Bà: NGUYỄN THỊ THUY VÂN Năm sinh: 1988; CCCD số: 087188008584	Căn TMDV-VP T2- 05.15	Căn TMDV-VP T2- 05.15	Tháp T2	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	35.7	37.3	Căn TMDV-VP	Số hữu chung

4/4

Handwritten signature

32	792747512025000355	Bà: THẠM THỊ THUÝ NGÀ Năm sinh: 1963; CCCD số: 001163010670	Cần TMDV-VP T2- 05.16	Cần TMDV-VP T2- 05.16	Tháp T2	5/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	5	39.5	43.3	Cần TMDV-VP	Số hữu riêng
33	792747512025000356	Bà: LÊ THỊ NGỌC PHƯƠNG Năm sinh: 1977; CCCD số: 087177002279	Cần TMDV-VP T2- 05.18	Cần TMDV-VP T2- 05.18	Tháp T2	5/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	5	35.4	38.7	Cần TMDV-VP	Số hữu riêng
34	792747512025000357	Bà: NGUYỄN THỊ HUƠNG Năm sinh: 1990; CCCD số: 068190001601	Cần TMDV-VP T2- 05.19	Cần TMDV-VP T2- 05.19	Tháp T2	5/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	5	34.5	38	Cần TMDV-VP	Số hữu riêng
35	792747512025000358	Ông: NGÔ HIỀN NHÂN Năm sinh: 1973; CCCD số: 087073002195 Bà: NGUYỄN THỊ KIM CHUNG Năm sinh: 1978; CCCD số: 087178003054	Cần TMDV-VP T2- 05.24	Cần TMDV-VP T2- 05.24	Tháp T2	5/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	5	30.2	33.7	Cần TMDV-VP	Số hữu chung
36	792747512025000359	Ông: HUỠNH MINH ĐỨC Năm sinh: 1987; CCCD số: 079087013115 Bà: ĐOÀN PHƯƠNG MAI Năm sinh: 1990; CCCD số: 079190017024	Cần TMDV-VP T2- 05.25	Cần TMDV-VP T2- 05.25	Tháp T2	5/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	5	36.7	40.1	Cần TMDV-VP	Số hữu chung
37	792747512025000360	Ông: NGUYỄN QUỐC HUY Năm sinh: 1987; CCCD số: 022087004494 Bà: VŨ THỊ THANH HOA Năm sinh: 1987; CCCD số: 022187007321	Cần TMDV-VP T2- 05.26	Cần TMDV-VP T2- 05.26	Tháp T2	5/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	5	44	47.8	Cần TMDV-VP	Số hữu chung
38	792747512025000361	Bà: NGUYỄN HOÀNG VY Năm sinh: 1992; CCCD số: 068192008261	Cần TMDV-VP T2- 06.02	Cần TMDV-VP T2- 06.02	Tháp T2	6/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	6	40.9	44.2	Cần TMDV-VP	Số hữu riêng
39	792747512025000364	Ông: ĐẶNG LÊ HUY Năm sinh: 1995; CCCD số: 031095001656 Bà: VŨ THỊ HUỠNH LINH Năm sinh: 1995; CCCD số: 075195012605	Cần TMDV-VP T2- 06.05	Cần TMDV-VP T2- 06.05	Tháp T2	6/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	6	31.7	34.3	Cần TMDV-VP	Số hữu chung
40	792747512025000365	Bà: NGUYỄN PHẠM QUỲNH MAI Năm sinh: 1994; CCCD số: 066194007539	Cần TMDV-VP T2- 06.09	Cần TMDV-VP T2- 06.09	Tháp T2	6/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	6	41.5	46.1	Cần TMDV-VP	Số hữu riêng
41	792747512025000367	Ông: KHẦU TỬ VÂN Năm sinh: 1988; CCCD số: 080088002870 Bà: NGUYỄN THỊ THU DIỆM Năm sinh: 1987; CCCD số: 079187019748	Cần hộ T2-12b.10	T2-12b.10	Tháp T2	12b/24 Tầng + hẻm + sân thượng + mái che thang	12b	85.9	92.6	Cần hộ	Số hữu chung

42	792747512025000368	Ông: VÕ QUANG MINH Năm sinh: 1989; CCCD số: 079089014853 Bà: NGUYỄN THỊ PHƯỢNG Năm sinh: 1989; CCCD số: 046189010146 ĐỒNG SỐ HỮU: Bà ĐO THỊ CHÁT Năm sinh: 1950; CCCD số: 001150007819	Căn hộ T2-12.13	T2-12.13	Tháp T2	12/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12	63.1	68	Căn hộ	Sở hữu chung
43	792747512025000369	Bà: MAI THỊ THẢO LY Năm sinh: 1978; CCCD số: 079178013224	Căn hộ T2-18.14	T2-18.14	Tháp T2	18/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	18	63.4	68	Căn hộ	Sở hữu riêng
44	792747512025000370	Ông: HUỖNH KIẾN NHẬT Năm sinh: 1989; CCCD số: 048089003878	Căn hộ T2-19.05	T2-19.05	Tháp T2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	56.8	61.1	Căn hộ	Sở hữu riêng
45	792747512025000371	Ông: NGUYỄN THÀNH GIANG Năm sinh: 1987; CCCD số: 087087011144 Bà: PHAN KIỀU TRINH Năm sinh: 1991; CCCD số: 064191007958	Căn hộ T2-22.08	Căn hộ T2-22.08	Tháp T2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	53.8	57.8	Căn hộ	Sở hữu chung

✓

Handwritten signature

